

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số: **862** /QĐ-BCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **07** tháng 3 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với mặt hàng phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau với nội dung chi tiết nêu trong Thông báo gửi kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trình tự thủ tục áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời được thực hiện theo pháp luật về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Ngoại giao;  
Thông tin và Truyền Thông;
- Tổng cục Hải quan;
- Vụ CST (Bộ Tài chính);
- Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng;
- Các Thủ trưởng;
- Các Cục/Vụ: CNg, XNK, ĐB, PC, TC;
- Lưu: VT, QLCT (04).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Quốc Khánh**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **THÔNG BÁO**

**V/v tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời**

*(Kèm theo Quyết định số **862** /QĐ-BCT ngày **07** tháng 3 năm 2016 của  
Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Theo quy định của Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam và Nghị định 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, Bộ Công Thương thông báo nội dung chi tiết về việc tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với mặt hàng phôi thép và thép dài, mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.00; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00 nhập khẩu vào Việt Nam, cụ thể như sau:

### **1. Thông tin cơ bản**

Ngày 25 tháng 12 năm 2015, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 14296/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam từ nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ khác nhau.

### **2. Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời**

Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời bao gồm phôi thép hợp kim và không hợp kim và các sản phẩm thép dài hợp kim và không hợp kim bao gồm thép cuộn và thép thanh được làm từ phôi thép nhập khẩu vào Việt Nam, có mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.00; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00.

Các sản phẩm phôi thép và thép dài có đặc điểm sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời:

(1) Các phôi bằng thép hợp kim không phải là thép không gỉ, không có mặt cắt ngang hình chữ nhật (kể cả hình vuông), có chiều rộng lớn hơn 2 lần chiều dày, có kích thước trung bình chiều rộng và chiều dày <100mm hoặc >180mm;



(2) Các Phôi thép hợp kim không phải là thép không gỉ chứa một trong các nguyên tố có hàm lượng phần trăm (%) thuộc phạm vi sau: C > 0,37%; Si > 0,60%; Cr > 0,60%; Ni > 0,60%; Cu > 0,60%;

(3) Thép thanh tròn trơn, đường kính danh nghĩa lớn hơn 14 mm;

(4) Thép chứa một trong các nguyên tố chứa hàm lượng phần trăm (%) thuộc phạm vi sau: C > 0,37%; Si > 0,60%; Cr > 0,60%; Ni > 0,60%; Cu > 0,60%.

Đối với các tổ chức/cá nhân nhập khẩu mặt hàng phôi thép và thép dài, để được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời, khi nhập khẩu hàng hoá cần cung cấp cho cơ quan hải quan các giấy tờ phù hợp để chứng minh hàng hoá nhập khẩu thoả mãn các tiêu chí được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ như trên.

### 3. Mức thuế tự vệ tạm thời

Bộ Công Thương sẽ áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời dưới dạng thuế nhập khẩu bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời với mức thuế cụ thể như sau:

#### 3.1. Mức thuế tự vệ tạm thời đối với phôi thép

Mức thuế tự vệ tạm thời đối với phôi thép là **23,3%** dưới dạng thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam với các mã HS cụ thể như sau:

| STT     | Mã HS             | Mô tả                                                                                            |
|---------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7207    |                   | Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng bán thành phẩm                                                |
| 1       | <b>7207.11.00</b> | - - Mặt cắt ngang hình chữ nhật (kể cả hình vuông), có chiều rộng nhỏ hơn hai lần chiều dày      |
| 2       | <b>7207.19.00</b> | - - Loại khác                                                                                    |
| 7207.20 |                   | - Có hàm lượng carbon từ 0,25% trở lên tính theo trọng lượng                                     |
| 3       | <b>7207.20.29</b> | - - - - Loại khác                                                                                |
| 4       | <b>7207.20.99</b> | - - - - Loại khác                                                                                |
| 7224    |                   | Thép hợp kim khác ở dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác; các bán thành phẩm bằng thép hợp kim khác. |
| 5       | <b>7224.90.00</b> | - Loại khác                                                                                      |



### 3.2. Mức thuế tự vệ tạm thời đối với thép dài

Mức thuế tự vệ tạm thời đối với thép dài là 14,2% dưới dạng thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam với các mã HS cụ thể như sau:

| STT     | Mã HS      | Mô tả                                                                                                                                                                                                   |
|---------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7213    |            | Sắt hoặc thép không hợp kim, dạng thanh và que, dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng.                                                                                                                |
| 1       | 7213.10.00 | - Có răng khía, rãnh, gân hoặc các dạng khác được tạo thành trong quá trình cán                                                                                                                         |
| 2       | 7213.91.20 | - - - Thép cốt bê tông                                                                                                                                                                                  |
| 7214    |            | Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán.                            |
| 7214.20 |            | - Có răng khía, rãnh, gân hoặc các dạng khác được tạo thành trong quá trình cán hoặc xoắn sau khi cán:<br>- - Có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng:<br>- - - Có mặt cắt ngang hình tròn: |
| 3       | 7214.20.31 | - - - - Thép cốt bê tông                                                                                                                                                                                |
| 4       | 7214.20.41 | - - - - Thép cốt bê tông                                                                                                                                                                                |
| 7227    |            | Các dạng thanh và que, của thép hợp kim khác, được cán nóng, dạng cuộn không đều.                                                                                                                       |
| 5       | 7227.90.00 | - Loại khác                                                                                                                                                                                             |
| 7228    |            | Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim                                         |
| 7228.30 |            | - Dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn:                                                                                                                    |
| 6       | 7228.30.10 | - - Có mặt cắt ngang hình tròn                                                                                                                                                                          |
| 9811    |            |                                                                                                                                                                                                         |
| 7       | 9811.00.00 | Thép hợp kim có chứa nguyên tố Bo và/hoặc Crôm trừ chủng loại thép cán phẳng được cán nóng.                                                                                                             |



#### **4. Các quốc gia/vùng lãnh thổ được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời**

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, biện pháp tự vệ tạm thời được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ khác nhau, ngoại trừ các nước đang phát triển và kém phát triển có lượng xuất khẩu vào Việt Nam không quá 3% tổng lượng nhập khẩu của Việt Nam từ tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ. Danh sách các quốc gia/vùng lãnh thổ được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời được liệt kê tại **Phụ lục 1** của Thông báo này.

Đối với các tổ chức/cá nhân nhập khẩu mặt hàng phôi thép và thép dài, để được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời như trên, khi nhập khẩu hàng hoá cần phải cung cấp cho cơ quan hải quan các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ như sau:

- Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin), trên đó ghi rõ hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ các quốc gia/vùng lãnh thổ có trong danh sách tại Phụ lục 1 của Thông báo này;

- Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (Mill-test certificate) do nhà sản xuất sản phẩm đặt tại các quốc gia/vùng lãnh thổ có trong danh sách tại Phụ lục 1 của Thông báo này ban hành.

#### **5. Thời gian biện pháp tự vệ tạm thời có hiệu lực**

Biện pháp tự vệ tạm thời có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ra Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời, tức là từ ngày **22/3/2016**.

#### **6. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời**

Biện pháp tạm thời được áp dụng trong khoảng thời gian không vượt quá 200 ngày kể từ ngày có hiệu lực, tức là đến hết ngày **07/10/2016**. Biện pháp tự vệ tạm thời sẽ chấm dứt hiệu lực trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương ra Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức.

Trong trường hợp Quyết định cuối cùng của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho thấy việc thi hành biện pháp tự vệ tạm thời là chưa cần thiết hoặc mức thuế tự vệ cuối cùng thấp hơn mức thuế tự vệ tạm thời đã áp dụng thì khoản chênh lệch thuế đó sẽ được hoàn trả cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

#### **7. Cơ sở áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời**

Căn cứ trên những thông tin do các bên liên quan cung cấp và các phân tích như trên trong vụ việc này, Cơ quan điều tra đánh giá như sau:



- Ngành sản xuất trong nước là tập hợp những doanh nghiệp sản xuất phôi thép và thép dài trong nước, chiếm hơn 50% tổng sản lượng cả toàn ngành.
- Hàng hóa được sản xuất trong nước là hàng hóa tương tự của hàng hóa nhập khẩu.
- Khối lượng phôi thép và thép dài được nhập khẩu vào Việt Nam tăng cả về mặt tuyệt đối và tương đối trong giai đoạn điều tra.
- Ngành sản xuất trong nước đã chịu thiệt hại nghiêm trọng như giảm thị phần, công suất, doanh thu, lợi nhuận, nhân công, tồn kho tăng trong giai đoạn 2012-2015, đặc biệt là năm 2015.
- Việc gia tăng nhập khẩu là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.
- Việc khủng hoảng kinh tế tại Trung Quốc trong thời gian qua và sự dư thừa công suất cũng như sản lượng thực tế kết hợp với lượng tồn kho lớn của các sản phẩm thép của Trung Quốc; và việc một số quốc gia áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu được xem là “những diễn biến không lường trước” và là nguyên nhân lý giải sự gia tăng đột biến hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Việt Nam.

Báo cáo sơ bộ (bản tóm tắt) của Cơ quan điều tra (Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương) được thể hiện tại **Phụ lục 2** của Thông báo này.

## **8. Thủ tục tiếp theo**

Để ban hành Kết luận cuối cùng về vụ việc, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục làm việc với các bên liên quan để thu thập chứng cứ, tài liệu nhằm đánh giá tổng thể về vụ việc. Cơ quan điều tra sẽ tổ chức phiên tham vấn công khai với các bên liên quan đến vụ việc trước khi kết thúc điều tra. Thời gian tiến hành phiên tham vấn sẽ được thông báo cho các bên liên quan 30 ngày trước khi diễn ra phiên tham vấn. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tổ chức phiên tham vấn, các bên liên quan phải gửi văn bản đăng ký tham gia phiên tham vấn cho Cơ quan điều tra, trong đó nêu rõ những vấn đề cần tham vấn kèm theo lập luận bằng văn bản.

Các bên liên quan không bắt buộc phải có mặt tại các cuộc tham vấn. Nếu bên nào không có mặt tại các cuộc tham vấn thì lợi ích của họ liên quan đến biện pháp tự vệ vẫn được bảo đảm.

## **9. Thông tin liên hệ**

Thông tin về quyết định áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với phôi thép và thép dài có thể truy cập tại trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương (<http://www.moit.gov.vn>) và Cục Quản lý cạnh tranh (<http://www.vca.gov.vn> hoặc <http://www.qlct.gov.vn>).

Mọi thông tin liên lạc và bình luận xin gửi về:

Phòng Điều tra vụ kiện phòng vệ thương mại của doanh nghiệp trong nước -  
Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 4) 222.05002 (Máy lẻ: 1035) (Chị Phan Mai Quỳnh)

Fax: (+84 4) 222.05003

Email: [quynhpm@moit.gov.vn](mailto:quynhpm@moit.gov.vn); hoặc [ninhtht@moit.gov.vn](mailto:ninhtht@moit.gov.vn).

---



## PHỤ LỤC 1

*(Kèm theo Thông báo về việc tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời*

*Kèm theo Quyết định số 862/QĐ-BCT ngày 07 tháng 3 năm 2016 của*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

---

### 1. Tiểu vùng Sahara - Châu Phi

|                          |               |                       |
|--------------------------|---------------|-----------------------|
| Angola                   | Madagascar    | Nigeria               |
| Benin                    | Malawi        | Rwanda                |
| Botswana                 | Mali          | Sao Tome and Principe |
| Burkina Faso             | Mauritania    | Senegal               |
| Burundi                  | Mauritius     | Sierra Leone          |
| Cabo Verde               | Mozambique    | Somalia               |
| Cameroon                 | Namibia       | South Africa          |
| Central African Republic | Niger         | South Sudan           |
| Chad                     | Gabon         | Sudan                 |
| Comoros                  | Gambia, The   | Swaziland             |
| Congo, Dem. Rep.         | Ghana         | Tanzania              |
| Congo, Rep.              | Guinea        | Togo                  |
| Cote d'Ivoire            | Guinea-Bissau | Uganda                |
| Eritrea                  | Kenya         | Zambia                |
| Ethiopia                 | Lesotho       | Zimbabwe              |
|                          | Liberia       |                       |

## 2. Châu Á - Thái Bình Dương

|                       |                  |
|-----------------------|------------------|
| American Samoa        | Myanmar          |
| Cambodia              | Palau            |
| Fiji                  | Papua New Guinea |
| Indonesia             | Philippines      |
| Kiribati              | Samoa            |
| Korea, Dem. Rep.      | Solomon Islands  |
| Lao PDR               | Thailand         |
| Malaysia              | Timor-Leste      |
| Marshall Islands      | Tonga            |
| Micronesia, Fed. Sts. | Tuvalu           |
| Mongolia              | Vanuatu          |

## 3. Châu Âu và Trung Á

|                        |                |
|------------------------|----------------|
| Albania                | Macedonia, FYR |
| Armenia                | Moldova        |
| Azerbaijan             | Montenegro     |
| Belarus                | Romania        |
| Bosnia and Herzegovina | Serbia         |
| Bulgaria               | Tajikistan     |
| Georgia                | Turkey         |
| Kazakhstan             | Turkmenistan   |
| Kosovo                 | Ukraine        |
| Kyrgyz Republic        | Uzbekistan     |



#### 4. Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê

|                    |                                |
|--------------------|--------------------------------|
| Belize             | Guyana                         |
| Bolivia            | Haiti                          |
| Brazil             | Honduras                       |
| Colombia           | Jamaica                        |
| Costa Rica         | Mexico                         |
| Cuba               | Nicaragua                      |
| Dominica           | Panama                         |
| Dominican Republic | Paraguay                       |
| Ecuador            | Peru                           |
| El Salvador        | St. Lucia                      |
| Grenada            | St. Vincent and the Grenadines |
| Guatemala          | Suriname                       |

#### 5. Trung Đông và Bắc Phi

|                    |                      |
|--------------------|----------------------|
| Algeria            | Libya                |
| Djibouti           | Morocco              |
| Egypt, Arab Rep.   | Syrian Arab Republic |
| Iran, Islamic Rep. | Tunisia              |
| Iraq               | West Bank and Gaza   |
| Jordan             | Yemen, Rep.          |
| Lebanon            |                      |

#### 6. Nam Á

|             |           |
|-------------|-----------|
| Afghanistan | Maldives  |
| Bangladesh  | Nepal     |
| Bhutan      | Pakistan  |
| India       | Sri Lanka |

## **PHỤ LỤC 2**

*(Kèm theo Thông báo về việc tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời*

*Kèm theo Quyết định số 862/QĐ-BCT ngày 07 tháng 3 năm 2016 của*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

---

### **BÁO CÁO SƠ BỘ**

**(Bản tóm tắt công khai)**

#### **1. Tổng quan về vụ việc**

Ngày 15 tháng 12 năm 2015, Cục Quản lý cạnh tranh (sau đây gọi tắt là Cơ quan điều tra) - Bộ Công Thương nhận được Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hồ sơ), có mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.00; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00 (sau đây gọi tắt là Hàng hóa bị điều tra), của 4 nhà sản xuất thép trong nước gồm Công ty cổ phần Thép Hòa Phát, Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên và Công ty cổ phần Thép Việt Ý.

Ngày 18 tháng 12 năm 2015, Cơ quan điều tra đã ban hành công văn 1120/QLCT-P2 xác nhận Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Ngày 25 tháng 12 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 14296/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng hóa bị điều tra.

Ngày 30 tháng 12 năm 2015, Cơ quan điều tra đã gửi Bản câu hỏi điều tra cho các bên liên quan. Thời hạn trả lời Bản câu hỏi điều tra là 30 ngày kể từ ngày gửi Bản câu hỏi điều tra, tức là trước 17h00 ngày 29 tháng 01 năm 2016. Ngoài ra, căn cứ theo đề nghị của một số doanh nghiệp liên quan, Cơ quan điều tra đã xem xét việc gia hạn thời gian trả lời Bản câu hỏi điều tra đối với từng doanh nghiệp cụ thể.

Trên cơ sở xem xét, nghiên cứu thông tin từ các Bản trả lời câu hỏi điều tra do các bên liên quan cung cấp, từ ngày 29 tháng 01 đến ngày 23 tháng 02 năm 2016, Cơ quan điều tra đã tiến hành thẩm tra tại chỗ đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa tương tự và hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong nước.



Theo quy định, các doanh nghiệp được gửi Bản câu hỏi điều tra nhưng không trả lời hoặc trả lời không đầy đủ bị coi là không hợp tác. Cơ quan điều tra không xem xét các thông tin cung cấp bởi các Bên liên quan không hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ.

## **2. Kết luận sơ bộ về tác động giá của hàng hóa nhập khẩu**

Để phân tích tác động về giá của hàng hóa nhập khẩu, Cơ quan điều tra đã tiến hành tính toán giá bán của hàng hóa nhập khẩu tại thị trường Việt Nam và so sánh với giá bán của hàng hóa trong nước (giá xuất xưởng) dựa trên số liệu do Tổng cục Hải quan cung cấp và Bản trả lời câu hỏi của các nhà nhập khẩu và các nhà sản xuất trong nước.

Giá bán hàng hóa nhập khẩu sẽ được tính dựa trên giá nhập khẩu bình quân (đã bao gồm thuế nhập khẩu) cộng với các chi phí nhập khẩu do các nhà nhập khẩu cung cấp. Cơ quan điều tra đã dựa trên số liệu về lượng và trị giá nhập khẩu (đã bao gồm giá trị thuế nhập khẩu) do Tổng Cục hải quan cung cấp để tính toán giá nhập khẩu bình quân của hàng hóa bị điều tra. Dựa trên phương pháp tính toán như trên, Cơ quan điều tra đã tiến hành phân tích các tác động về giá của sản phẩm phôi thép và thép dài, cụ thể như sau:

### **2.1. Phôi thép**

Về tác động ép giá, trong 3 năm từ 2012 – 2014, giá bán hàng hoá trong nước có xu hướng giảm, với tốc độ giảm chậm dần. Giá bán trong năm 2014 của hàng hoá trong nước có xu hướng giữ ở mức tương đối ổn định và chỉ giảm nhẹ trong khi đó giá bán của hàng hoá nhập khẩu có xu hướng giảm tương đối nhanh. Chính vì vậy, nếu như năm 2012 và 2013, giá bán của hàng hoá nhập khẩu vẫn còn cao hơn giá bán trong nước, đến năm 2014 giá bán của hàng hoá nhập khẩu đã bắt đầu thấp hơn giá bán trong nước.

Tuy nhiên đến năm 2015, giá bán hàng nhập khẩu bất ngờ giảm nhanh và mạnh hơn với mức giảm là gần 30% (tốc độ giảm nhanh nhất trong giai đoạn 2012 – 2015), và điều này đã gây sức ép lớn tới giá bán của hàng hoá trong nước. Mặc dù trong năm 2015, giá bán trong nước đã giảm đi đáng kể trước sức ép của hàng hoá nhập khẩu, tuy nhiên vẫn cao hơn so với giá bán của hàng hoá nhập khẩu. Điều này đã cho thấy tác động ép giá của hàng hoá nhập khẩu đối với giá bán hàng hoá trong nước.

Về tác động kìm giá, trong 3 năm từ 2012 - 2014, giá bán trong nước biến động theo xu hướng chung đó là chi phí sản xuất có xu hướng giảm nhanh hơn so với giá bán trong nước. Tuy nhiên, xu hướng này đã thay đổi đột ngột vào

năm 2015, trong khi chi phí sản xuất trong nước chỉ giảm nhẹ so với năm 2014, giá bán trong nước đã phải giảm rất sâu. Với mức giảm đó, có thể thấy giá bán trong nước so với chi phí sản xuất có mức chênh lệch rất ít trong năm 2015, và các doanh nghiệp sản xuất trong nước hầu như không có lãi. Điều này làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của ngành sản xuất trong nước trong năm 2015. Theo như phân tích trên, Cơ quan điều tra xác định có hiện tượng kìm giá đối với hàng hoá sản xuất trong nước.

## **2.2. Thép dài**

Trong 3 năm từ 2012 – 2014, giá bán hàng hoá trong nước có xu hướng giảm nhẹ, trong khi đó giá bán của hàng hoá nhập khẩu có xu hướng giảm tương đối nhanh. Vì vậy, mặc dù năm 2012 giá bán của hàng hoá nhập khẩu vẫn còn cao hơn giá bán trong nước, đến năm 2013 và 2014, giá bán của hàng hoá nhập khẩu đã bắt đầu thấp hơn giá bán trong nước.

Đến năm 2015, giá bán hàng nhập khẩu bắt ngờ giảm nhanh hơn với mức giảm là hơn 20% và cũng là năm có tốc độ giảm nhanh nhất trong giai đoạn 2012 – 2015. Trước sức ép mạnh của hàng nhập khẩu trong năm 2015, giá bán hàng hoá trong nước cũng đã giảm sâu để có thể cạnh tranh với hàng hoá nhập khẩu, tuy nhiên giá bán hàng hóa sản xuất trong nước vẫn cao hơn so với giá hàng hóa nhập khẩu. Điều này đã cho thấy tác động ép giá của hàng hoá nhập khẩu đối với giá bán hàng hoá trong nước.

Đối với tác động kìm giá, trong 3 năm từ 2012 - 2014, giá bán trong nước biến động theo xu hướng chung đó là chi phí sản xuất có xu hướng giảm nhanh hơn so với giá bán trong nước. Trái ngược với xu hướng này, năm 2015 trong khi chi phí sản xuất trong nước chỉ giảm nhẹ so với năm 2014, giá bán trong nước đã giảm mạnh tới gần 25%. Với mức giảm giá bán nhanh hơn chi phí sản xuất đã cho thấy những khó khăn và áp lực cạnh tranh của Ngành sản xuất trong nước để cạnh tranh với hàng hoá nhập khẩu.

## **3. Kết luận sơ bộ về gia tăng tương đối và tuyệt đối của hàng nhập khẩu so với hàng hoá sản xuất trong nước**

Về mặt tuyệt đối, theo số liệu nhập khẩu của Tổng cục Hải quan, lượng nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam tăng liên tục từ 348,872 tấn năm 2013 lên đến 592,033 tấn năm 2014 (tăng 69.70%) và tăng đến mức 1,885,981 tấn năm 2015 (tăng 218% so với năm 2014 và tăng 440% so với năm 2013). Đối với thép dài, có thể thấy rằng, lượng nhập khẩu vào Việt Nam tăng liên tục từ 387,448 tấn năm 2012 lên đến 665,679 tấn năm 2013; tăng tiếp tục lên mức

872,119 tấn năm 2014 và tăng đến mức 1,282,090 tấn năm 2015 (tăng 231% so với năm 2012).

Về mặt tương đối, trong giai đoạn 2013 – 2015 tốc độ gia tăng của phôi thép nhập khẩu luôn cao hơn rất nhiều so với tốc độ tăng lượng bán hàng trên thị trường nội địa của ngành sản xuất trong nước. Đặc biệt trong năm 2015, tốc độ gia tăng phôi thép nhập khẩu từ các quốc gia/vùng lãnh thổ là 218% trong khi tổng lượng bán hàng trên thị trường nội địa của ngành sản xuất trong nước chỉ tăng [5-10] % so với năm trước, dẫn đến việc hàng hóa nhập khẩu tăng tương đối hơn 200% so với hàng hóa bán ra của ngành sản xuất trong nước trên thị trường nội địa.

Đối với thép dài, trong giai đoạn 2012 – 2015, tốc độ gia tăng lượng nhập khẩu thép dài luôn cao hơn so với tốc độ gia tăng lượng bán hàng nội địa của ngành sản xuất trong nước. Cụ thể, tốc độ gia tăng bán hàng nội địa của ngành sản xuất trong nước đạt cao nhất là năm 2015 ở mức [15-25] % so với năm 2014, trong khi tổng lượng thép dài nhập khẩu năm 2015 tăng đến mức 47.01% so với năm 2014, dẫn đến tốc độ gia tăng hàng nhập khẩu tăng tương đối hơn 20% so với tốc độ gia tăng lượng bán hàng nội địa của ngành sản xuất trong nước.

#### **4. Kết luận sơ bộ về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước**

Theo quy định tại Điều 4.2 Hiệp định về các biện pháp tự vệ, khi xem xét thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra đánh giá tất cả các yếu tố như: thị phần, sự thay đổi về bán hàng, sản xuất, năng suất, năng suất sử dụng, lợi nhuận, lỗ và việc làm. Sau khi xem xét và phân tích các yếu tố trên, Cơ quan điều tra kết luận sơ bộ như sau:

- Giá hàng hoá nhập khẩu đã gây ra tác động ép giá và kìm giá đối với hàng hoá tương tự được sản xuất trong nước;
- Sản lượng sản xuất của phôi thép có sự gia tăng nhẹ trong năm 2015 nhưng tốc độ tăng trưởng giảm rõ rệt so với các năm trước
- Công suất sử dụng của ngành phôi thép tăng trong giai đoạn 2012-2014 nhưng đã giảm mạnh trong năm 2015,
- Lượng bán hàng phôi thép có sự gia tăng trong năm 2015, tuy nhiên, tốc độ này vẫn thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng của tổng cầu trong nước.



- Tương tự như phôi thép, đối với mặt hàng thép dài, mặc dù ngành sản xuất trong nước có sự gia tăng về lượng bán hàng, tuy nhiên tốc độ này vẫn thấp hơn so với mức tăng của lượng tiêu thụ trên thị trường.

- Tình hình tồn kho của phôi thép và thép dài diễn biến rất phức tạp và đặc biệt nghiêm trọng năm 2015. Lượng tồn kho phôi thép năm 2015 tăng 37% so với năm 2014, trong khi đó lượng tồn kho thép dài tăng 39% so với năm 2014, chiếm gần 10% tổng lượng sản xuất của toàn ngành năm 2015.

- Thị phần của mặt hàng phôi thép và thép dài đã liên tục giảm trong giai đoạn 2013-2015 và giảm xuống thấp nhất vào năm 2015. Trong khi đó thị phần của hàng nhập khẩu lại tăng liên tục trong giai đoạn 2012-2015.

- Mặc dù lượng bán hàng trong nước của phôi thép và thép dài đều tăng lên trong năm 2015, nhưng doanh thu bán hàng năm 2015 vẫn giảm so với năm 2014.

- Đối với chỉ số về lợi nhuận, các nhà sản xuất phôi thép đã lỗ mạnh trong năm 2015, mặc dù trước đó, năm 2014 vẫn có lợi nhuận. Riêng với thép dài, lợi nhuận năm 2015 giảm mạnh so với năm 2014 cũng như so với cả giai đoạn 2012-2014.

- Số lượng người lao động tăng đều qua các năm từ 2012-2014, tuy nhiên, năm 2015, bắt đầu có dấu hiệu giảm nhẹ trong đối với cả ngành phôi thép và thép dài.

- Bên cạnh đó, một số chỉ số chưa cho thấy thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước: sản lượng sản xuất của thép dài, công suất sử dụng của thép dài và chỉ số về tiền lương.

Như vậy, xét một cách tổng thể, hoạt động kinh doanh của ngành sản xuất trong nước không có nhiều biến động và tương đối ổn định trong giai đoạn 2011-2014. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2015, qua việc phân tích các chỉ số đánh giá thiệt hại đã cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước đều đã sụt giảm rất rõ ràng, điều này cho thấy ngành sản xuất trong nước đã phải đối mặt với thiệt hại nghiêm trọng.

## **5. Kết luận sơ bộ về mối quan hệ nhân quả**

Từ các thông tin, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được và những phân tích, đánh giá nêu trên cho thấy có mối liên quan khá rõ ràng của việc hàng nhập khẩu thuộc gia tăng đột biến và thiệt hại nghiêm trọng gây ra cho ngành sản xuất trong nước, cụ thể như sau:

- Thị phần của ngành sản xuất trong nước đối với cả phôi thép và thép dài đều sụt giảm tương ứng với thị phần gia tăng của hàng nhập khẩu;

- Lượng cầu của toàn thị trường tăng đều trong giai đoạn 2012-2014 và đặc biệt tăng khá mạnh trong năm 2015, tuy nhiên lượng sản xuất trong nước đối với thép dài chỉ tăng tương ứng với lượng tăng cầu, trong khi đó lượng sản xuất phôi thép trong nước thậm chí còn tăng thấp hơn mức độ tăng của tổng cầu, chứng tỏ lượng cầu trên thị trường không phải là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại của ngành sản xuất trong nước;

- Trong giai đoạn 2012-2015, năng suất lao động của cả sản xuất phôi thép và thép dài đều tăng cao, cho thấy không phải thiệt hại của ngành sản xuất trong nước đến từ năng suất lao động kém;

- Xuất khẩu thép của ngành sản xuất trong nước tương đối ổn định trong giai đoạn 2012-2015 và chỉ chiếm [3-6] % doanh thu của tất cả các nhà sản xuất trong nước. Như vậy xuất khẩu không phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước;

- Các yếu tố khác như khoa học công nghệ, chất lượng sản phẩm... của ngành sản xuất trong nước đều ổn định trong thời gian qua và không ảnh hưởng gì đến thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

Như vậy, nhập khẩu gia tăng nhanh và đột biến là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước đối với cả sản xuất phôi thép và thép dài.

## **6. Kết luận sơ bộ về các diễn biến không lường trước**

Việc khủng hoảng kinh tế tại Trung Quốc trong thời gian qua và sự dư thừa công suất cũng như sản lượng thực tế kết hợp với lượng tồn kho lớn của các sản phẩm thép của Trung Quốc;

Trong năm 2015 Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã liên tục phá giá đồng nhân dân tệ nhằm thúc đẩy xuất khẩu của Trung Quốc. Giá các mặt hàng xuất khẩu của Trung Quốc cũng rẻ đi tương đối so với các nước khác, dẫn đến khó khăn cho ngành sản xuất nói chung và ngành thép nói riêng trong việc cạnh tranh thép xuất khẩu của Trung Quốc.

Bên cạnh đó, việc một số quốc gia áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu được xem là “những diễn biến không lường trước” và là nguyên nhân lý giải sự gia tăng đột biến hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Việt Nam.

**Việc chậm áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời sẽ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước và khó có thể khắc phục được**

Như các thông tin đã nêu trong mục trên, hàng hóa nhập khẩu gia tăng đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước. Điều này được thể hiện qua sự sụt giảm thị phần, lợi nhuận, công suất, nhân công và sự gia tăng hàng tồn kho. Đặc biệt, sự sụt giảm này được thể hiện rõ rệt trong năm 2015 và có xu hướng tiếp tục gia tăng trong thời gian tới. Nếu tình hình này tiếp diễn, ngành sản xuất phôi thép và thép dài trong nước sẽ không tránh khỏi việc tiếp tục bị mất thị phần khiến doanh thu, lợi nhuận giảm và sản xuất bị đình đốn.

---